

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HOC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241010714	Đỗ Minh	Nguyệt	2410701	22		8.55		84.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
2	241010737	Trần Thị Hải	Yến	2410701	20		8.69		90.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
3	241010754	Nguyễn Văn	Dũng	2410702	19		8.91		93.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
4	241010759	Ngô Thị	Giang	2410702	20		8.65		85.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
5	241010815	Nguyễn Hiền	Anh	2410703	20		8.59		83.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
6	241010818	Tạ Hồng	Anh	2410703	18		8.64		87.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
7	241010829	Trần	Đặng	2410703	16		8.71		81.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
8	241010839	Mai Nguyễn Thu	Huyền	2410703	20		8.58		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
9	241010891	Tô Quang	Anh	2410704	20		8.57		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
10	241010930	Đặng Thu	Ngân	2410704	20		8.51		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
11	241010935	Nguyễn Phương	Nhi	2410704	20		8.51		89.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
12	241010966	Đàm Nguyễn Anh	Duy	2410705	20		8.58		90.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
13	241010970	Phạm Gia Khoa	Điểm	2410705	22		8.85		92.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
14	241010989	Nguyễn Đặng Hải	Linh	2410705	16		8.50		86.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
15	241011021	Nguyễn Bảo	Trang	2410705	18		8.81		93.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
16	241011060	Ngô Duy	Khánh	2410706	20		8.62		95.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
17	241011090	Nguyễn Diệu	Thảo	2410706	20		8.75		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
18	241011177	Đoàn Phương	Anh	2410708	25		9.32		89.00	22 000 000		22 000 000	Giỏi
19	241011222	Đào Yến	Ngọc	2410708	20		8.56		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
20	241011234	Trần Chí	Thành	2410708	20		8.55		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
21	241011247	Nguyễn Quang	Vinh	2410708	20		8.86		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
22	241011323	Hà Đăng Minh	Anh	2410710	18		8.54		84.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
23	241011328	Trần Lan	Anh	2410710	16		8.63		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
24	241011347	Tạ Phạm Minh	Hiền	2410710	19		8.78		95.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
25	241011349	Phạm Đức	Huy	2410710	20		8.74		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
26	241011358	Lê Phương	Linh	2410710	19		8.69		91.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
27	241011390	Nguyễn Ngọc Gia	Tuệ	2410710	22		8.66		88.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
28	241011439	Nguyễn Xuân	Nam	2410711	21		8.60		83.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
29	241011440	Nguyễn Thị Hiếu	Ngân	2410711	16		8.68		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
30	241011448	Đỗ Thị Minh	Phương	2410711	16		8.68		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
31	241011458	Mai Anh	Thư	2410711	19		8.54		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
32	241011459	Nguyễn Thị Huyền	Trang	2410711	21		8.60		87.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
33	241011460	Trương Thùy	Trang	2410711	18		8.98		83.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
34	241011462	Nguyễn Ngọc Hạnh	Trinh	2410711	18		8.83		89.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
35	241011465	Nguyễn Đăng Thanh	Vân	2410711	19		8.75		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
36	241013385	Nguyễn Ngọc	Linh	2410711	19		8.55		85.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
37	241011471	Hoàng Đức	Anh	2410712	21		8.51		83.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
38	241011495	Bùi Quang	Huy	2410712	21		8.96		94.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
39	241011503	Đoàn Phương	Liên	2410712	15		8.53		87.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
40	241011519	Phạm Phương	Nhi	2410712	17		8.49		90.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
41	241011523	Tạ Thị Bích	Phượng	2410712	19		8.72		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
42	241011530	Nguyễn Anh	Thư	2410712	21		8.67		90.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
43	241011536	Ngô Thị Ngọc	Tú	2410712	22		8.80		90.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
44	241011538	Hoàng Hà	Vy	2410712	19		8.76		88.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
45	241011539	Đỗ Lê Hải	Yến	2410712	23		8.89		90.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
46	241011546	Phạm Thị Hà	Anh	2410713	21		8.78		95.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
47	241011548	Trương Gia	Bách	2410713	23		8.55		86.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
48	241011550	Nguyễn Minh	Châu	2410713	16		8.63		93.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
49	241011553	Phạm Thị	Dung	2410713	25		8.77		92.50	22 000 000		22 000 000	Giỏi
50	241011555	Nguyễn Thị ánh	Dương	2410713	20		8.71		83.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
51	241011562	Trần Thị Thúy	Hằng	2410713	22		8.75		91.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
52	241011563	Phạm Thị Khánh	Hiền	2410713	17		8.49		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
53	241011595	Nguyễn Duy	Quang	2410713	23		8.51		88.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
54	241011604	Lưu Thu	Trà	2410713	20		8.52		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
55	241013203	Trần Danh	Cường	2410713	18		8.69		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
56	241013260	Trần Bình	Minh	2410713	17		8.65		84.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
57	241011612	Hoàng Nguyễn Mỹ	Anh	2410714	19		8.68		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
58	241011614	Nguyễn Ngọc	Anh	2410714	23		8.55		84.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
59	241011617	Trần Phương	Anh	2410714	17		8.59		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
60	241011623	Tạ Kim	Duy	2410714	21		8.59		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
61	241011627	Dương Minh	Đức	2410714	16		8.66		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
62	241011630	Nguyễn Thị Thu	Hà	2410714	24		8.60		88.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
63	241011639	Hà Thị Lan	Hương	2410714	16		8.71		89.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
64	241011646	Nguyễn Khánh	Linh	2410714	19		8.78		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
65	241011659	Phạm Thảo	Nguyên	2410714	19		8.77		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
66	241011660	Hoàng Yến	Nhi	2410714	17		8.52		88.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
67	241011695	Đào Tuấn	Dũng	2410715	23		8.70		90.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
68	241011696	Nguyễn Thùy	Dương	2410715	23		8.58		86.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
69	241011701	Nguyễn Thị Thu	Hà	2410715	19		8.53		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
70	241011749	Đặng Quốc	Trọng	2410715	23		8.62		90.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
71	241011770	Đinh Tiến	Dũng	2410716	19		8.68		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
72	241011776	Nguyễn Thị Thuý	Hà	2410716	21		8.54		84.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
73	241011784	Trương Hữu	Khanh	2410716	19		8.54		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
74	241011799	Dương Trà	My	2410716	18		8.54		92.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
75	241011813	Ngô Đức	Thái	2410716	23		8.75		84.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
76	241011819	Nguyễn Thái	Trang	2410716	20		8.56		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
77	241011827	Đinh Ngọc	ánh	2410716	19		8.49		77.00	15 200 000		15 200 000	Khá
78	241011842	Đoàn Tiến	Dũng	2410717	19		8.50		82.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
79	241011861	Hà Ngọc	Linh	2410717	16		8.71		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
80	241011862	Lương Thị Diệu	Linh	2410717	19		8.77		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
81	241011871	Nguyễn Quang	Minh	2410717	17		8.99		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
82	241011875	Ngô Hồng	Ngọc	2410717	21		8.75		90.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
83	241011899	Khổng Thị Ngọc	ánh	2410717	23		8.80		93.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
84	241011964	Vũ Phương	Trang	2410718	17		8.52		95.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
85	241011965	Nguyễn Thanh	Trúc	2410718	19		8.51		85.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
86	241011998	Trần Mạnh	Hoàng	2410719	21		8.57		80.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
87	241012000	Lê Thị	Huyền	2410719	21		8.77		89.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
88	241012006	Chu Gia	Linh	2410719	19		9.03		92.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
89	241012012	Vũ Phương	Linh	2410719	19		8.69		92.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
90	241012015	Đỗ Nhật	Minh	2410719	21		8.61		82.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
91	241012017	Phạm Bùi Hằng	Nga	2410719	21		8.84		88.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
92	241012026	Phạm Minh	Phương	2410719	17		8.64		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
93	241012030	Trịnh Nguyễn Minh	Thanh	2410719	17		8.88		89.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
94	241012031	Lê Hương	Thảo	2410719	21		8.66		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
95	241012033	Nguyễn Đức	Thuận	2410719	18		8.84		85.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
96	241012035	Hoàng Thị Huyền	Trang	2410719	21		8.63		84.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
97	241012042	Phạm Thị Hải	Yến	2410719	21		8.75		85.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
98	241013381	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	2410719	16		8.89		91.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
99	241012049	Phùng Thùy	Anh	2410720	21		8.51		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
100	241012056	Nguyễn Sỹ	Dũng	2410720	21		9.06		96.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
101	241012073	Vũ Giang	Khánh	2410720	19		8.50		83.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
102	241012074	Bùi Thị Ngọc	Lan	2410720	21		8.81		80.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
103	241012075	Chu Khánh	Linh	2410720	23		8.54		86.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
104	241012076	Hà Thùy	Linh	2410720	19		8.55		76.50	15 200 000		15 200 000	Khá
105	241012078	Nguyễn Ngọc	Linh	2410720	19		8.68		83.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
106	241012079	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	2410720	19		8.70		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
107	241012104	Lê Hải Hiền	Thục	2410720	18		9.07		86.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
108	241012113	Trần Hà	Vy	2410720	18		8.53		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
109	241013428	Nguyễn Minh	Thư	2410720	16		8.81		83.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
110	251010562	Hà Minh	Anh	2510601	21		8.38		66.00	16 800 000		16 800 000	Khá
111	251010566	Phạm Minh	Anh	2510601	21		9.42		95.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc
112	251010605	Bùi Nguyễn Trà	My	2510601	19		8.55		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
113	251010691	Đặng Nguyễn Hải	Oanh	2510602	19		8.47		91.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
114	251010693	Đỗ Thu	Phương	2510602	19		8.69		88.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
115	251010714	Nguyễn Đình Hải	An	2510603	19		8.59		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
116	251010721	Trần Vy	Anh	2510603	22		8.47		82.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi
117	251010737	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	2510603	19		8.35		81.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
118	251010751	Nguyễn Ngọc	Linh	2510603	21		8.42		82.00	18 480 000		18 480 000	Giỏi
119	251010761	Bùi Hoàng	Ngân	2510603	17		8.42		77.00	13 600 000		13 600 000	Khá
120	251010762	Trần Kim	Ngân	2510603	19		8.52		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HOC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
121	251010790	Phạm Hà Vy	2510603	16		8.63		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
122	251011550	Mai Phương Thuý	2510603	19		8.93		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
123	251010793	Hồ Hồng Anh	2510604	19		8.66		83.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
124	251010856	Nguyễn Anh Thư	2510604	19		8.82		87.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
125	251010888	Lê Phương Hà	2510605	19		8.51		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
126	251010905	Nguyễn Nhật Linh	2510605	19		8.64		88.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
127	251010933	Nguyễn Anh Thư	2510605	19		8.58		87.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
128	251010943	Đinh Hà Vy	2510605	23		8.35		84.00	20 240 000		20 240 000	Giỏi
129	251010985	Tống Bảo Long	2510606	17		8.83		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
130	251011012	Lại Thị Thu Thủy	2510606	19		8.65		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
131	251011016	Trần Quỳnh Trang	2510606	17		8.34		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
132	251011027	Nguyễn Thế Anh	2510607	19		8.78		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
133	251011039	Nguyễn Thùy Dương	2510607	19		8.85		83.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
134	251011057	Hoàng Ngọc Linh	2510607	19		8.56		79.50	15 200 000		15 200 000	Khá
135	251011060	Nguyễn Văn Linh	2510607	17		8.65		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
136	251011064	Phạm Thanh Mai	2510607	19		8.55		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
137	251011065	Lại Trần Hồng Minh	2510607	19		8.68		81.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
138	251011072	Vũ Minh Ngọc	2510607	19		8.38		81.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
139	251011089	Nguyễn Thu Thủy	2510607	19		8.42		74.00	15 200 000		15 200 000	Khá
140	251011094	Nguyễn Cẩm Tú	2510607	21		8.47		78.50	16 800 000		16 800 000	Khá

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
141	251011099	Phạm Như Xuân	An	2510608	19		8.72		94.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
142	251011111	Nguyễn Trần Bảo	Đan	2510608	21		9.12		93.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc
143	251011112	Nguyễn Thị Minh	Diệp	2510608	15		8.89		86.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
144	251011116	Nguyễn Thùy	Dương	2510608	19		8.74		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
145	251011119	Nguyễn Thu	Hà	2510608	19		8.46		90.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
146	251011152	Ngô Trang	Nhung	2510608	17		8.40		87.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
147	251011168	Lê Minh	Trang	2510608	19		8.42		85.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
148	251011169	Nguyễn Thị Minh	Trang	2510608	19		8.68		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
149	251011171	Nguyễn Hương	Tú	2510608	19		8.55		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
150	251011177	Đỗ Minh	Anh	2510609	20		8.75		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
151	251011181	Phùng Quang	Anh	2510609	17		8.47		85.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
152	251011186	Hồ Khánh	Chi	2510609	20		8.45		81.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
153	251011199	Hoàng Nguyễn Minh	Hiển	2510609	20		8.75		73.50	16 000 000		16 000 000	Khá
154	251011210	Bạch Gia	Linh	2510609	17		8.71		92.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
155	251011212	Ngô Khánh	Linh	2510609	18		8.67		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
156	251011213	Ngô Phương	Linh	2510609	20		8.93		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
157	251011214	Nguyễn Phương	Linh	2510609	18		8.49		87.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
158	251011224	Đặng Hồng	Ngọc	2510609	20		8.54		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
159	251011232	Nguyễn Bùi Quỳnh	Phương	2510609	20		8.79		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
160	251011243	Mạnh	Thy	2510609	20		8.60		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
161	251011252	Nguyễn Yến Vy		2510609	17		8.49		87.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
162	251011256	Nguyễn Minh Anh		2510610	20		8.71		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
163	251011262	Đỗ Bảo Châu		2510610	20		9.03		85.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
164	251011264	Trần Thị Kim Chi		2510610	20		8.62		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
165	251011287	Đỗ Huyền Linh		2510610	20		8.39		88.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
166	251011300	Ngô Thiên Ngân		2510610	20		9.03		91.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
167	251011334	Nguyễn Mỹ Anh		2510611	20		9.07		89.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
168	251011343	Vũ Phương Diệp		2510611	20		8.70		89.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
169	251011351	Lý Khả Hân		2510611	20		8.91		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
170	251011360	Nguyễn Hiền Khanh		2510611	20		8.62		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
171	251011362	Dương Anh Kim		2510611	20		8.76		95.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
172	251011378	Đỗ Phương Ngọc		2510611	20		8.55		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
173	251011395	Ngô Thị Thương		2510611	20		8.77		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
174	251011442	Lê Ngọc Khánh Linh		2510612	20		8.69		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
175	251011446	Phạm Văn Lộc		2510612	18		8.88		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
176	251011448	Lê Nhất Chi Mai		2510612	20		9.21		92.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
177	251011466	Phan Thị Như Quỳnh		2510612	20		8.46		81.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
178	251011475	Trần Huyền Trân		2510612	22		8.41		82.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi
179	251011487	Nguyễn Diệu Anh		2510613	22		8.65		96.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
180	251011488	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh		2510613	20		8.36		83.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
181	251011527	Nguyễn Phương	Minh	2510613	20		8.44		91.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
182	251011538	Vũ Văn	Phong	2510613	17		8.46		90.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
183	251011540	Nguyễn Thị Mai	Phương	2510613	17		8.39		90.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
184	251011547	Trần Ngọc	Thảo	2510613	22		8.70		84.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
185	251011553	Lý Thu	Trang	2510613	18		8.34		90.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
186	251011558	Nguyễn Đức	Việt	2510613	20		8.50		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
187	251011591	Đặng Minh	Khánh	2510614	20		8.36		85.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
188	251011597	Nguyễn Khánh	Linh	2510614	22		8.51		85.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
189	251011610	Phạm Bùi Bích	Ngọc	2510614	20		8.51		80.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
190	251011616	Đào Hà	Phương	2510614	17		8.90		87.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
191	251011617	Nguyễn Thu	Phương	2510614	20		8.75		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
192	251011619	Nguyễn Thị	Quyên	2510614	17		8.57		82.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
193	251011639	Dương Thái Minh	Anh	2510615	18		8.34		81.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
194	251011658	Trần Thị Thu	Hà	2510615	20		8.56		81.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
195	251011707	Ngô Thùy	Trang	2510615	18		8.77		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
196	251011748	Đặng ánh	Linh	2510616	20		8.61		90.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
197	251011756	Nguyễn Hoàng	Mai	2510616	22		8.39		84.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi
198	251011762	Phạm Khánh	Ngân	2510616	20		8.47		90.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
199	251011779	Mông Thị Anh	Thư	2510616	20		8.39		91.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
200	251011786	Phan Thanh	Trúc	2510616	20		8.61		90.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
201	480132	Trần Thị Hương	4801	20		8.51		81.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
202	480147	Hoa Trà My	4801	20		8.50		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
203	480154	Đào Thị Phương	4801	15		9.03		84.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
204	480166	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	4801	18		8.50		83.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
205	483322	Trần Văn Lý	4801	20		9.20		89.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
206	4840035	Tạ Ngọc Huyền	4801	23		8.77		89.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
207	4840070	Tạ Quang Phát	4801	23		8.76		85.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
208	480213	Khúc Ngọc Bảo	4802	15		8.49		87.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
209	480214	Vũ Quỳnh Chi	4802	21		8.50		81.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
210	480233	Nguyễn Thị Thu Hường	4802	21		8.51		85.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
211	480242	Phạm Thùy Linh	4802	20		8.90		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
212	480250	Trương Hào Nam	4802	23		8.55		81.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
213	480266	Phan Vũ Anh Tuấn	4802	19		8.52		93.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
214	480301	Bùi Quỳnh Anh	4803	25		8.61		77.50	20 000 000		20 000 000	Khá
215	480315	Nguyễn Ngọc Diệp	4803	20		8.72		86.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
216	480327	Nguyễn Thúy Hiền	4803	20		8.67		75.50	16 000 000		16 000 000	Khá
217	480342	Nguyễn Trọng Lộc	4803	21		8.97		76.50	16 800 000		16 800 000	Khá
218	480363	Dương Hoài Thư	4803	23		8.51		76.50	18 400 000		18 400 000	Khá
219	480403	Đỗ Diệp Anh	4804	19		8.93		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
220	480406	Nguyễn Phương Anh	4804	19		8.91		81.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
221	480417	Nguyễn Thùy	Dương	4804	22		8.54		86.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
222	480427	Nguyễn Minh	Hiển	4804	17		8.49		92.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
223	480463	Đỗ Nguyễn Minh	Thu	4804	23		8.70		87.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
224	480472	Đinh Thị Hà	Vy	4804	21		8.59		81.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
225	480473	Nguyễn Lê Tường	Vy	4804	18		8.63		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
226	4840095	Nguyễn Quốc	Trung	4804	20		8.70		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
227	480529	Hà Thu	Huyền	4805	23		8.77		90.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
228	480552	Đinh Xuân	Phổ	4805	20		8.66		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
229	483424	Nguyễn Bảo	Ngọc	4805	20		8.87		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
230	480606	Nguyễn Thị Phương	Anh	4806	20		8.96		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
231	480627	Lê Phương	Huyền	4806	18		9.00		93.00	17 280 000		17 280 000	Xuất sắc
232	480630	Nguyễn Vân	Hương	4806	20		8.87		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
233	480650	Lê Gia	Phú	4806	22		8.53		88.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
234	480662	Nguyễn Phạm Thảo	Trang	4806	24		8.55		82.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
235	480720	Lương Tiến	Hiệp	4807	20		8.97		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
236	480737	Trần Khánh	Linh	4807	18		8.69		71.50	14 400 000		14 400 000	Khá
237	480739	Phạm Thị Hương	Ly	4807	21		8.53		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
238	480743	Phạm Thanh	Ngân	4807	18		8.52		71.50	14 400 000		14 400 000	Khá
239	480745	Đặng Thị Thanh	Ngoan	4807	18		8.77		83.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
240	480763	Hà Phương	Trang	4807	18		8.74		94.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HOC KỲ: II

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
241	480802	Hoàng Phương	Anh	4808	21		8.49		80.00	18 480 000		18 480 000	Giỏi
242	480808	Phạm Thanh	Bình	4808	21		8.51		81.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
243	480813	Vũ Đình Minh	Cương	4808	22		8.66		86.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
244	480817	Đặng Hương	Giang	4808	24		8.54		80.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
245	480845	Bùi Thị Minh	Ngọc	4808	15		8.58		80.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
246	480852	Trương Thị Thu	Quỳnh	4808	23		8.80		81.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
247	480869	Nguyễn Văn Hùng	Vĩ	4808	21		8.52		91.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
248	480907	Phạm Kim	Anh	4809	23		8.85		80.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
249	480908	Giáp Thanh	Bình	4809	20		8.58		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
250	480936	Nguyễn Ngọc	Linh	4809	22		8.60		80.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
251	480968	Nguyễn Tường	Vy	4809	22		8.60		92.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
252	481018	Nguyễn Thị	Diệu	4810	17		8.81		89.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
253	481020	Trần Tùng	Dương	4810	22		8.56		89.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
254	481028	Lương Mai	Hoa	4810	22		8.50		92.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
255	481037	Vũ Thị Diệu	Lam	4810	17		8.92		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
256	481071	Giàng Thị	Xuân	4810	22		8.56		88.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
257	481106	Phạm Thị Vân	Anh	4811	17		8.63		83.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
258	481126	Đào Thị	Hòa	4811	19		8.49		89.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
259	481138	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4811	21		8.53		81.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
260	481141	Vũ Thị Xuân	Mai	4811	19		8.57		81.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
261	481143	Nguyễn Ngọc Minh	4811	20		8.56		82.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
262	481149	Lương Thị Ninh	4811	17		9.23		88.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
263	481173	Nguyễn Hạ Vy	4811	20		8.77		89.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
264	481217	Nguyễn Thị Thùy Dương	4812	19		8.53		87.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
265	481226	Đặng Thu Hằng	4812	19		8.64		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
266	481242	Trần Nguyễn Hoàng Long	4812	20		8.61		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
267	481244	Trần Đức Mạnh	4812	17		8.52		85.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
268	481246	Nguyễn Thị Thu Minh	4812	19		8.63		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
269	481257	Đào Văn Sơn	4812	17		8.77		90.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
270	481260	Bùi Thị Huyền Thanh	4812	17		9.00		91.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc
271	481306	Mai Ngọc Anh	4813	17		8.77		77.50	13 600 000		13 600 000	Khá
272	481311	Đỗ Hoàn Châu	4813	17		8.82		73.50	13 600 000		13 600 000	Khá
273	481343	Hoàng Đức Lưu	4813	17		8.51		77.50	13 600 000		13 600 000	Khá
274	481347	Phùng Ngọc Minh	4813	22		8.92		89.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
275	481352	Đàm Thị Hồng Nhung	4813	19		8.53		80.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
276	481370	Phạm Đức Tùng	4813	17		8.68		95.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
277	481408	Trịnh Quang Anh	4814	22		8.49		87.00	19 360 000		19 360 000	Giỏi
278	481411	Nguyễn Tuấn Công	4814	24		8.57		66.50	19 200 000		19 200 000	Khá
279	481431	Vũ Hữu Hưng	4814	22		8.55		88.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
280	481452	Đèo Thị Phương Nhung	4814	23		8.51		95.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi

NĂM HỌC: 2025 - 2026

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
281	481467	Nguyễn Ngọc Trâm	4814	20		8.80		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
282	481469	Bùi Anh Tú	4814	23		8.91		95.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
283	481517	Lê Hương Giang	4815	24		8.58		87.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
284	481547	Nguyễn Thị Thúy Nga	4815	20		8.83		91.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
285	481549	Hồ Thị Thùy Nhân	4815	20		8.65		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
286	481556	Nguyễn Diễm Quỳnh	4815	23		8.86		86.50	20 240 000		20 240 000	Giỏi
287	481623	Phạm Thu Hà	4816	20		8.68		78.50	16 000 000		16 000 000	Khá
288	481638	Giang Thị Phương Linh	4816	22		8.89		82.50	19 360 000		19 360 000	Giỏi
289	481644	Trần Nhật Minh	4816	19		8.63		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
290	481666	Nguyễn Hà Trang	4816	20		8.51		83.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
291	481673	Nguyễn Phương Giang	4816	23		8.57		76.50	18 400 000		18 400 000	Khá
	Tổng số SV theo danh sách: 291								5 018 720 000		5 018 720 000	